Người ký: Sở Tư pháp
Email: sotuphap@phutho.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Thời gian ký: 27.12.2023 15:27:36 +07:00

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **27** /2023/QĐ-UBND | *Phú Thọ, ngày 18 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

## UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục*

*vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Định mức làm căn cứ lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: 28 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, 14 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó định mức thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ ($DM_{CN}$) thực hiện theo quy định tại Điều này.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): theo mức tiền lương tối thiểu vùng tại vùng thực hiện nhiệm vụ tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (chỉ áp dụng đối với đề tài khoa học cấp tỉnh)

a) Chi thuê chuyên gia trong nước: áp dụng theo điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước: áp dụng theo điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

| STT | Nội dung | Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: đồng) | Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Người chủ trì | 1.400.000 | 700.000 |
| 2 | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | 350.000 | 175.000 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | 2.100.000 | 1.050.000 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | 1.050.000 | 525.000 |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | 210.000 | 105.000 |

4. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 210.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tối đa không quá 105.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

**Điều 3. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi tiền thù lao hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: đồng) | Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.050.000 | 525.000 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 700.000 | 350.000 |
| | Thư ký khoa học | | 210.000 | 105.000 |
| | Thư ký hành chính | | 210.000 | 105.000 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 140.000 | 70.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 350.000 | 175.000 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 490.000 | 245.000 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 490.000 | 245.000 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 350.000 | 175.000 |
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.260.000 | 630.000 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng | | 1.050.000 | 525.000 |
| | Thư ký khoa học | | 210.000 | 105.000 |
| | Thư ký hành chính | | 210.000 | 105.000 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 140.000 | 70.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 490.000 | 245.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 700.000 | 350.000 |
| 3 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.260.000 | 630.000 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 1.050.000 | 525.000 |
| | Thư ký khoa học | | 210.000 | 105.000 |
| | Thư ký hành chính | | 210.000 | 105.000 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 140.000 | 70.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 490.000 | 245.000 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 700.000 | 350.000 |
| 4 | Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (áp dụng đối với nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh). | Chuyên gia | 1.050.000 | |

2. Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: đồng) | Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700.000 | 350.000 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 490.000 | 245.000 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 210.000 | 105.000 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 140.000 | 70.000 |

**Điều 4.** Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm

vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 5.** Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quyết định có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND v/v ban hành quy định một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 6.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Phú Thọ.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu VT, VX3, TH1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**